

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : QUAN HỆ QUỐC TẾ

MÃ NGÀNH : 7310206

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **QUAN HỆ QUỐC TẾ**
- Tên tiếng Anh: **INTERNATIONAL RELATIONS**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.
- Chuyên ngành 2. Truyền thông quốc tế.
- Chuyên ngành 3. Phát triển bền vững.

Trình độ đào tạo: Đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế
- Tên tiếng Anh: Bachelor of International Relations

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2025 - 2029.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân ngành Quan hệ quốc tế theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về Quan hệ quốc tế thuộc lĩnh vực truyền thông quốc tế, phát triển bền vững và khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng lực giao tiếp, tương tác với các bản sắc văn hóa, tôn giáo, dân tộc, quốc gia khác nhau một cách tôn trọng; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp, hội nhập toàn cầu và thích nghi với sự biến đổi của môi trường tự nhiên và xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức nền tảng về Quan hệ quốc tế, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ liên ngành thuộc lĩnh vực Truyền thông quốc tế, Phát triển bền vững và khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và các kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc.

- PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành các công việc liên quan đến kỹ năng sử dụng công nghệ một cách thuần thục, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa, ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế trong quá trình hội nhập toàn cầu.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển cho người học ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng sự khác biệt và nhận thức được trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng từ địa phương đến toàn cầu; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	41	41		32,8%
1.1	<i>Khoa học xã hội</i>	6	6	-	
1.2	<i>Khoa học chính trị</i>	11	11	-	
1.3	<i>Pháp luật</i>	3	3	-	
1.4	<i>Tin học</i>	3	3	-	
1.5	<i>Ngoại ngữ (tiếng Anh)</i>	18	18	-	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	14,4%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	30	15	36,0%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,6%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	7,2%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	<i>Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)</i>			√	
6.2	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)</i>		√		
	Tổng cộng	125	98 (78,4%)	27 (21,6%)	

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1. Kiến thức giáo dục đại cương						41							
1.1. Khoa học xã hội						6							
1.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	BB		3	3						
1.1.2	PSY1104	Tâm lý học đại cương	General Psychology	BB		3	3						
1.2. Khoa học chính trị						11							
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3						
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2						
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2						
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2						
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2						
1.3. Pháp luật						3							
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.4. Tin học						3							
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB		3	2	1					
1.5. Ngoại ngữ						18							
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB		3	3						
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB		3	3						
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB		3	3						
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB		3	3						
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB		3	3						
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB		3	3						
2. Kiến thức cơ sở ngành						18							
2.1	HIS1102	Lịch sử quan hệ quốc tế 1	History of International Relations 1	BB		3	3						x
2.2	HIS1103	Lịch sử quan hệ quốc tế 2	History of International Relations 2	BB		3	3				HIS1102		x
2.3	IRE1117	Nhập môn quan hệ quốc tế	Introduction to International Relations	BB		3	3						x
2.4	IRE1102	Chính sách đối ngoại Việt Nam	Vietnam's Foreign Policy	BB		3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
2.5	IRE1110	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	Introduction to Research Methods in International Relations	BB		3	3						x
2.6	IRE1139	Nhập môn chính trị học	Introduction to Politics	BB		3	3						x
3. Kiến thức chuyên ngành						45							
3.1	IRE1151E	Thống kê xã hội	Statistics for Social Sciences	BB	E	3	3						x
3.2	IRE1109E	Những vấn đề của Đông Nam Á trong thế kỷ XXI	ASEAN's Issues in the 21st Century	BB	E	3	3						x
3.3	IRE1108E	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	BB	E	3	3						x
3.4	IRE1130	Nghệ vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	BB		3	3						x
3.5	IRE1152E	Khoa học dữ liệu trong quan hệ quốc tế	Data Science in International Relations	BB	E	3	3						x
3.6	IRE1153E	Hòa bình và an ninh trong quan hệ quốc tế	Peace and Security in International Relations	BB	E	3	3						x
3.7	ENC1121E	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	BB	E	3	3						x
3.8	IRE1127E	Ngoại giao đa phương	Multilateral Diplomacy	BB	E	3	3						x
3.9	LAW1116E	Luật quốc tế	International Law	BB	E	3	3						x
3.10	LAW1124E	Tư pháp quốc tế	Private International Law	BB	E	3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau</i>											
Chuyên ngành 1.		<i>Khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương</i>	<i>Indo-Pacific Region</i>										
3.11.1	IRE1143	Nhập môn khu vực học	Introduction to Regional Studies	TC		3	3						
3.12.1	IRE1144E	Chính sách đối ngoại các nước lớn đối với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	The Indo-Pacific in Major Powers' Foreign Policies	TC	E	3	3						
3.13.1	IRE1154	Biển đông trong cạnh tranh chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	The East Sea in Indo-Pacific Strategic Competition	TC		3	3						
3.14.1	IRE1146E	Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	The Indo-Pacific in Indian Foreign Policy	TC	E	3	3						
3.15.1	IRE1147E	ASEAN trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	ASEAN in the Indo-Pacific	TC	E	3	3						
Chuyên ngành 2.		<i>Truyền thông quốc tế</i>	<i>International Communication</i>										

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.11.2	COT1102	Lý thuyết truyền thông	Communication Theories	TC		3	3						
3.12.2	JOU1206	Tin và phóng sự	News and Feature Writing	TC		3	3						
3.13.2	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	Social Media and Interactive Communications	TC	E	3	3						
3.14.2	IRE1148E	Ngoại giao số	Digital Diplomacy	TC	E	3	3						
3.15.2	IRE1149E	Ngoại giao công chúng	Public Diplomacy	TC	E	3	3						
Chuyên ngành 3.		Phát triển bền vững	Sustainable Development										
3.11.3	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC		3	3						
3.12.3	IRE1135E	Các vấn đề môi trường trong quan hệ quốc tế	Environmental Issues in International Relations	TC	E	3	3						
3.13.3	IRE1150	Quản trị môi trường toàn cầu	Global Environment Governance	TC		3	3						
3.14.3	IRE1137E	Hợp tác quốc tế và chính sách bền vững	International Cooperation and Sustainable Policy	TC	E	3	3						
3.15.3	ECO1110E	Kinh tế phát triển	Development Economics	TC	E	3	3						
4. Kiến thức bổ trợ						12							
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107		
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau											
4.3	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		3	3						
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3						
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	Japanese Concepts to Win Friends and Influence People	TC		3	3						
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Country Studies of Japan	TC		3	3						
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Country Studies of China	TC		3	3						
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	TC		3	3						
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	Mental Health Education	TC		3	3						
4.10	BUS1115	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	TC		3	3						
4.11	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	Equity and Trust Law	TC		3	3						
4.12	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3						
4.13	LAW1116	Luật quốc tế	International Law	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.14	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3						
4.15	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3						
4.16	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	Professional Personal Branding	TC		3	3						
4.17	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3						
4.18	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Applied Data Analytics	TC		3	3						
4.19	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Enterprises Law	TC		3	3						
4.20	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3						
4.21	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	TC		3	3						
4.22	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3						
4.23	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3						
4.24	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	Aesthetic Thinking	TC		3	3						
4.25	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khánh tiết	Diplomatic Reception and Table Art	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.26	SOS1108	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia Countries	TC		3	3						
4.27	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3						
4.28	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3						
5. Thực tập thực tế						9							
5.1	IRE1322	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3			
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:</i>											
5.2	IRE1419	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC		6			6				
5.3	IRE1420	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6				
6. Kiến thức không tích lũy						3							
6.1. Giáo dục thể chất (sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau)						3							
		<i>Nhóm 1</i>											
6.1.1.1	GYM1311	Giáo dục thể chất - Aerobic 1	Physical Education 1 - Aerobic	TC		1		1					
6.1.2.1	GYM1312	Giáo dục thể chất - Aerobic 2	Physical Education 2 – Aerobic	TC		1		1					
6.1.3.1	GYM1313	Giáo dục thể chất - Aerobic 3	Physical Education 3 - Aerobic	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
		<i>Nhóm 2</i>											
6.1.1.2	GYM1321	Giáo dục thể chất - Vovinam 1	Physical Education 1 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.2.2	GYM1322	Giáo dục thể chất - Vovinam 2	Physical Education 2 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.3.2	GYM1323	Giáo dục thể chất - Vovinam 3	Physical Education 3 - Vovinam	TC		1		1					
		<i>Nhóm 3</i>											
6.1.1.3	GYM1331	Giáo dục thể chất - Boxing 1	Physical Education 1 - Boxing	TC		1		1					
6.1.2.3	GYM1332	Giáo dục thể chất - Boxing 2	Physical Education 2 – Boxing	TC		1		1					
6.1.3.3	GYM1333	Giáo dục thể chất - Boxing 3	Physical Education 3 - Boxing	TC		1		1					
		<i>Nhóm 4</i>											
6.1.1.4	GYM1341	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 - Body-building	TC		1		1					
6.1.2.4	GYM1342	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 - Body-building	TC		1		1					
6.1.3.4	GYM1343	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 - Body-building	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
		<i>Nhóm 5</i>											
6.1.1.5	GYM1351	Giáo dục thể chất - Dancesport 1	Physical Education 1 - Dancesport	TC		1		1					
6.1.2.5	GYM1352	Giáo dục thể chất - Dancesport 2	Physical Education 2 – Dancesport	TC		1		1					
6.1.3.5	GYM1353	Giáo dục thể chất - Dancesport 3	Physical Education 2 - Dancesport	TC		1		1					
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)													
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education	BB									

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

Học phần điều kiện (*): đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Chuyên đề tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 1															
01	1A	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	IRE1117	Nhập môn quan hệ quốc tế	Introduction to International Relations	BB			3	45	45				135	QHQT
03	1B	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB			3	45	45				135	TA
04	1B	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB			3	45	45				135	PD
05	1B	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	BB			3	45	45				135	QHCC TT
			Cộng (HK 1A+1B)					15							
06	2A	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB			3	45	45				135	TA
07	2A	PSY1104	Tâm lý học đại cương	General Psychology	BB			3	45	45				135	QHCC TT
08	2A	HIS1102	Lịch sử quan hệ quốc tế 1	History of International Relations 1	BB			3	45	45				135	QHQT
09	2B	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB			3	45	45				135	TA

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
10	2B	HIS1103	Lịch sử quan hệ quốc tế 2	History of International Relations 2	BB	HIS1102		3	45	45				135	QHQT
11	2B	IRE1110	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	Introduction to Research Methods in International Relations	BB			3	45	45				135	QHQT
			Cộng (HK 2A+2B)					18							
Năm 2															
01	1A	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB	SKI1107		3	45	45				135	PD
03	1A	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	Physical Education 1 - Aerobic Physical Education 1 - Vovinam Physical Education 1 - Boxing Physical Education 1 - Body-building Physical Education 1 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
04	1B	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB			3	45	45				135	TA

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
05	1B	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB			3	60	30	30			180	CNTT
06	1B	IRE1102	Chính sách đối ngoại Việt Nam	Vietnam's Foreign Policy	BB			3	45	45				135	QHQT
07	1B	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342/ GYM1352	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất - Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2/ Giáo dục thể chất - DanceSport 2	Physical Education 2 - Aerobic Physical Education 2 - Vovinam Physical Education 2 - Boxing Physical Education 2 - Body-building Physical Education 2 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
08	2A	IRE1108E	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	BB		E	3	45	45				135	QHQT
09	2A	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB			3	45	45				135	LL-TC
10	2A	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343/ GYM1353	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất -	Physical Education 3 - Aerobic Physical Education 3 - Vovinam Physical Education 3	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Boxing 3/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3 Giáo dục thể chất - DanceSport 3	- Boxing Physical Education 3 - Body-building Physical Education 3 - DanceSport											
11	2B	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB			3	45	45				135	LUAT
12	2B	IRE1139	Nhập môn chính trị học	Introduction to Politics	BB			3	45	45				135	QHQT
13	2B	IRE1151E	Thống kê xã hội	Statistics for Social Sciences	BB		E	3	45	45				135	QHQT
			Cộng (HK 2A+2B)					16							
		MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education					165						PĐT
Năm 3															
01	1A	LAW1116E	Luật quốc tế	International Law	BB		E	3	45	45				135	LUAT
02	1A	LAW1124E	Tư pháp quốc tế	Private International Law	BB		E	3	45	45				135	LUAT
03	1A	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB			2	30	30				90	LL-TC
04	1A	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB			2	30	30				90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
05	1B	IRE1130	Nghịệp vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	BB			3	45	45				135	QHQT
06	1B	IRE1109E	Những vấn đề của Đông Nam Á trong thế kỷ XXI	ASEAN's Issues in the 21st Century	BB		E	3	45	45				135	QHQT
07	1B	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB			2	30	30				90	LL-TC
			Cộng (HK 1A+1B)					18							
08	2A		Học phần tự chọn 1		TC			3	45	45				135	
09	2A	IRE1152E	Khoa học dữ liệu trong quan hệ quốc tế	Data Science in International Relations	BB		E	3	45	45				135	QHQT
10	2A	ENC1121E	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	BB		E	3	60	30	30			180	TA
11	2B	IRE1153E	Hòa bình và an ninh trong quan hệ quốc tế	Peace and Security in International Relations	BB		E	3	45	45				135	QHQT
12	2B	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB			2	30	30				90	LL-TC
13	2B		Học phần tự chọn 2		TC			3	45	45				135	

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Cộng (HK 2A+2B)					17							
Năm 4															
01	1A	IRE1127E	Ngoại giao đa phương	Multilateral Diplomacy	BB		E	3	45	45				135	QHQT
		Chuyên ngành	<i>Khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương</i>	<i>Indo-Pacific Region</i>											
02	1A	IRE1143	Nhập môn khu vực học	Introduction to Regional Studies	TC			3	45	45				135	QHQT
03	1A	IRE1144E	Chính sách đối ngoại các nước lớn đối với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	The Indo-Pacific in Major Powers' Foreign Policies	TC		E	3	45	45				135	QHQT
		Chuyên ngành	<i>Truyền thông quốc tế</i>	<i>International Communication</i>											
02	1A	COT1102	Lý thuyết truyền thông	Communication Theories	TC			3	45	45				135	QHCC TT
03	1A	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	Social Media and Interactive Communications	TC		E	3	45	45				135	QHCC TT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
		Chuyên ngành	<i>Phát triển bền vững</i>	<i>Sustainable Development</i>											
02	1A	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC			3	45	45				135	QHQT
03	1A	IRE1135E	Các vấn đề môi trường trong quan hệ quốc tế	Environmental Issues in International Relations	TC		E	3	45	45				135	QHQT
		Chuyên ngành	<i>Khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương</i>	<i>Indo-Pacific Region</i>											
04	1B	IRE1154	Biển đông trong cạnh tranh chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	The East Sea in Indo-Pacific Strategic Competition	TC			3	45	45				135	QHQT
05	1B	IRE1146E	Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	The Indo-Pacific in Indian Foreign Policy	TC		E	3	45	45				135	QHQT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
06	1B	IRE1147E	ASEAN trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	ASEAN in the Indo-Pacific	TC		E	3	45	45				135	QHQT
		Chuyên ngành	<i>Truyền thông quốc tế</i>	<i>International Communication</i>											
04	1B	JOU1206	Tin và phóng sự	News and Feature Writing	TC			3	45	45				135	QHCC TT
05	1B	IRE1148E	Ngoại giao số	Digital Diplomacy	TC		E	3	45	45				135	QHQT
06	1B	IRE1149E	Ngoại giao công chúng	Public Diplomacy	TC		E	3	45	45				135	QHQT
		Chuyên ngành	<i>Phát triển bền vững</i>	<i>Sustainable Development</i>											
04	1B	IRE1150	Quản trị môi trường toàn cầu	Global Environment Governance	TC			3	45	45				135	QHQT
05	1B	ECO1110E	Kinh tế phát triển	Development Economics	TC		E	3	45	45				135	KT
06	1B	IRE1137E	Hợp tác quốc tế và chính sách bền vững	International Cooperation and Sustainable Policy	TC		E	3	45	45				135	QHQT
			Cộng (HK 1A+1B)					18							

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
07	2A	IRE1322	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB			3					X		QHQT
			Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:												
08	2A	IRE1419	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC			6				X			QHQT
08	2A	IRE1420	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC			6				X			QHQT
			Cộng (HK 2A)					9							

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - KHÓA 2025

Giáo dục đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Kiến thức bổ trợ	Thực tập thực tế	Kiến thức không tích lũy
--------------------	-----------------------	------------------------	------------------	------------------	--------------------------

Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A
				(E) Luật quốc tế LAW1116E (3tc)		(E) Ngoại giao đa phương IRE1127E (3tc)	
	Tâm lý học đại cương PSY1104 (3tc)	Giáo dục thể chất 1 (1tc)	Giáo dục thể chất 3 (1tc)	(E) Tư pháp quốc tế LAW1124E (3tc)	Môn tự chọn 1 (3tc)	Nhập môn khu vực học IRE1143 (3tc)	
Nhập môn quan hệ quốc tế IRE1117 (3tc)	Lịch sử quan hệ quốc tế 1 HIS1102 (3tc)	Project design 2 SKI1108 (3tc)	Triết học Mác-Lênin POL1111 (3tc)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)	(E) Khoa học dữ liệu trong quan hệ quốc tế IRE1152E (3tc)	(E) Chính sách đối ngoại các nước lớn đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương IRE1144E (3tc)	
Tiếng Anh 1 ENG3201 (3tc)	Tiếng Anh 3 ENG3203 (3tc)	Tiếng Anh 5 ENG3205 (3tc)	(E) Những vấn đề toàn cầu IRE1108E (3tc)	Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)	(E) Giao tiếp liên văn hóa ENC1121E (3tc)	Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương	Thực tập tốt nghiệp IRE1322 (3tc)
						(E) Các vấn đề môi trường trong quan hệ quốc tế IRE1135E (3tc)	
						Phát triển bền vững IRE1151 (3tc)	
						Lý thuyết truyền thông COT1102 (3tc)	Chuyên đề / Khóa luận tốt nghiệp IRE1419/20 (6tc)
						Phát triển bền vững	Truyền thông quốc tế
HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B
Tiếng Anh 2 ENG3202 (3tc)	Tiếng Anh 4 ENG3204 (3tc)	Tiếng Anh 6 ENG3206 (3tc)	Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)	(E) Những vấn đề Đông Nam Á trong thế kỷ XXI IRE1109E (3tc)	(E) Hòa bình và an ninh trong quan hệ quốc tế IRE1153E (3tc)	(E) ASEAN trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương IRE1147E (3tc)	
Project design 1 SKI1107 (3tc)	Lịch sử quan hệ quốc tế 2 HIS1103 (3tc)	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng ITE1292 (3tc)	Nhập môn chính trị học IRE1139 (3tc)	Nghiệp vụ ngoại giao IRE1130 (3tc)	Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)	Biến Đông trong cạnh tranh chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương IRE1154 (3tc)	
Cơ sở văn hóa Việt Nam SOS1101 (3tc)	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế IRE1110 (3tc)	Chính sách đối ngoại Việt Nam IRE1102 (3tc)	(E) Thống kê xã hội IRE1151E (3tc)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)	Môn tự chọn 2 (3tc)	(E) Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương - IRE1146E (3tc)	
						Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương	
		Giáo dục thể chất 2 (1tc)	Giáo dục quốc phòng MIL1203			(E) Hợp tác quốc tế và chính sách bền vững IRE1137E (3tc)	Tin và phóng sự JOU1206 (3tc)
						Chính sách quản trị môi trường toàn cầu IRE1150 (3tc)	(E) Ngoại giao công chúng IRE1149E (3tc)
						(E) Kinh tế phát triển ECO1110E (3tc)	(E) Ngoại giao số IRE1148E (3tc)
						Phát triển bền vững	Truyền thông quốc tế

Ký hiệu sử dụng

Tên môn học
Mã môn (số tín chỉ)

(E)

Môn học giảng bằng tiếng Anh

Thông tin về môn học

Danh sách môn tự chọn

* Học phần giáo dục thể chất chọn 1 trong 5 môn:
Aerobic, Boxing, Vovinam, Dancesport, Thể hình thẩm mỹ

• Công dân số
• Công dân toàn cầu
• Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản
• Đất nước học Nhật Bản
• Đất nước học Trung Quốc
• Địa lý kinh tế thế giới

• Giáo dục sức khỏe tinh thần
• Khởi nghiệp
• Luật công bằng và tín thác
• Luật thương mại
• Nghệ thuật học cơ bản
• Nghệ thuật lãnh đạo

• Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp
• Nhập môn chuyển đổi số
• Pháp luật về doanh nghiệp
• Phân tích dữ liệu ứng dụng
• Quản lý tài chính cá nhân
• Quản trị chiến lược toàn cầu

• Tâm lý giao tiếp
• Thuyết trình sáng tạo
• Tư duy thẩm mỹ
• Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết
• Văn hóa truyền thống Hàn Quốc
• Văn minh nhân loại
• Văn hóa các nước Đông Nam Á

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Học phần phần nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam. Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; Văn hóa nhận thức; Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; và Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.
1.1.2	PSY1104	Tâm lý học đại cương	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý như đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu. Trên cơ sở đó, học phần giới thiệu cho sinh viên hiểu về bản chất của hiện tượng tâm lý người và phân tích các hiện tượng tâm lý người cơ bản như: các quá trình nhận thức, hoạt động và giao tiếp, đời sống tình cảm, nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách...
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lenin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác–Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	Học phần nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn.
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Phát triển các chiến lược làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (VSTEP). Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
2. Kiến thức cơ sở ngành				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
2.1	HIS1102	Lịch sử quan hệ quốc tế 1	3	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chủ yếu về lịch sử quan hệ quốc tế từ cổ đại đến nay: lịch sử chính trị quốc tế qua các thời kỳ, các cường quốc chi phối chính quan hệ quốc tế từng thời kỳ và chính sách đối ngoại, nguồn gốc hình thành và phát triển của các học thuyết cơ bản trong quan hệ quốc tế. Học phần cũng giúp sinh viên bước đầu có nhận thức hệ thống về xung đột, chiến tranh và khả năng hợp tác trong lịch sử loài người.
2.2	HIS1103	Lịch sử quan hệ quốc tế 2	3	Học phần giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vai trò và vị trí của các nước nhỏ trong trật tự quốc tế, nhận thức về những nguyên nhân xung đột, chiến tranh và khả năng hợp tác trong thời kỳ hiện đại. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế từ sau thế chiến thứ Nhất đến sự kiện 11/9, đó là lịch sử của hai cuộc Thế chiến, lịch sử chiến tranh lạnh, vai trò của các cường quốc và sự lựa chọn của các nhà nước mới giành được độc lập, sự thay đổi của trật tự quốc tế, tính thích ứng và sự phát triển của các học thuyết cơ bản trong quan hệ quốc tế. Từ đó, giúp sinh viên có nhận thức toàn diện về một thế giới luôn biến động và khả năng ứng phó nhằm bảo vệ được lợi ích quốc gia trong mọi hoàn cảnh, thông qua những bài học rút ra từ lịch sử quan hệ quốc tế. Ngoài ra, môn học này cũng là cơ sở nền tảng để sinh viên học tập các môn chuyên ngành quan hệ quốc tế về sau
2.3	IRE1117	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về quan hệ quốc tế như đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, chủ thể cơ bản Quan Hệ Quốc Tế, các công cụ trong quan hệ quốc tế, những yếu tố tác động tới quan hệ quốc tế, loại hình và tính chất của quan hệ quốc tế,... Khi học học phần này, sinh viên sẽ được hướng dẫn những kỹ năng cơ bản để có thể học tập hiệu quả và thể hiện được quan điểm cá nhân với những vấn đề quốc tế.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
2.4	IRE1102	Chính sách đối ngoại Việt Nam	3	Học phần cung cấp lý thuyết và các công cụ để phân tích chính sách đối ngoại của bất kỳ quốc gia nào. Học phần cũng giúp sinh viên hệ thống được kiến thức của các môn học trước đó như Nhập môn quan hệ quốc tế, lịch sử quan hệ quốc tế và vận dụng thêm kiến thức về lịch sử Việt Nam như là những thành tố để phân tích chính sách đối ngoại. Việc áp dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế trước đó cũng sẽ được ứng dụng trong việc tìm hiểu bản chất và đánh giá chính sách. Qua đó người học hiểu được vai trò của chính sách không đơn thuần là công cụ của cấp độ nhà nước, mà mỗi nhóm người, mỗi tổ chức và mỗi cá nhân đều có những chính sách phù hợp cho sự phát triển của mình trong bối cảnh một thế giới luôn biến động và khả năng ứng phó nhằm bảo vệ được lợi ích quốc gia trong mọi hoàn cảnh.
2.5	IRE1110	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên quy trình nghiên cứu và một số phương pháp nghiên cứu phục vụ công việc nghiên cứu quan hệ quốc tế. Đồng thời, Học phần giúp sinh viên biết cách lựa chọn các công cụ và phương pháp phù hợp trong nghiên cứu Quan hệ Quốc tế. Kết thúc học phần, sinh viên có thể tiến hành viết một đề cương nghiên cứu đúng chuẩn. Sinh viên sẽ đạt được kỹ năng tự học, tự giải quyết vấn đề một cách độc lập.
2.6	IRE1139	Nhập môn chính trị học	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của khái niệm Chính trị trong Quan hệ Quốc tế. Đồng thời, học phần đào sâu hơn về kiến thức thuộc hệ thống lý thuyết cơ bản trong Quan hệ Quốc tế. Kết hợp với các hoạt động phát triển tư duy hệ thống, kỹ năng phân tích và phản biện, sinh viên sẽ bước đầu đưa ra những nhận định và quan điểm về các vấn đề trong Quan hệ Quốc tế. Từ đó, sinh viên sẽ phát triển năng lực và ý thức nghề nghiệp cần có đối với các nhóm công việc thuộc ngành Khoa học Chính trị nói chung và Quan hệ Quốc tế nói riêng.
3. Kiến thức chuyên ngành				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.1	IRE1151E	Thống kê xã hội	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp thống kê ứng dụng trong nghiên cứu xã hội và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực Quan hệ quốc tế. Học phần giúp người học hiểu và vận dụng các khái niệm cơ bản như tổng thể - mẫu, biến số, phân phối tần suất, trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, kiểm định giả thuyết, hồi quy tuyến tính... vào việc phân tích các hiện tượng quốc tế như dư luận toàn cầu, di cư, xung đột, phát triển bền vững hay chính sách đối ngoại. Ngoài ra, học phần còn phát triển kỹ năng đọc hiểu và phân tích dữ liệu từ các báo cáo quốc tế, biểu đồ, bảng thống kê và các nghiên cứu định lượng trong ngành. Sinh viên được thực hành với phần mềm thống kê cơ bản và thực hiện bài tập nhóm nhằm tăng khả năng tư duy định lượng và áp dụng dữ liệu trong việc xây dựng lập luận khoa học và ra quyết định chính sách trong bối cảnh toàn cầu hóa.
3.2	IRE1109E	Những vấn đề của Đông Nam Á trong thế kỷ XXI	3	Học phần tiếp cận Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations, gọi tắt là ASEAN) với tư cách là một tổ chức quốc tế của khu vực. Học phần sẽ xem xét nguyên nhân - quá trình hình thành, phát triển của ASEAN; cơ cấu tổ chức hoạt động của ASEAN; đặc điểm của tổ chức ASEAN; thành tựu hợp tác và những thách thức nội và ngoại khối; triển vọng về vai trò của ASEAN như một tổ chức trong khu vực ĐNA và xem xét mối quan hệ ASEAN-Việt Nam. Với hệ thống bài tập nhóm và bài tập cá nhân ở cấp độ III, môn học giúp sinh viên hoàn thiện những kỹ năng làm việc cơ bản trong môi trường toàn cầu.
3.3	IRE1108E	Những vấn đề toàn cầu	3	Học phần tập trung vào các vấn đề toàn cầu và nhằm mục đích giúp sinh viên làm quen với chúng thông qua các bài giảng và thảo luận trên lớp. Bằng cách tham gia vào các hoạt động này, học sinh sẽ phát triển sự hiểu biết về các vấn đề toàn cầu, học các kỹ năng giải quyết vấn đề và nhận ra trách nhiệm và vai trò của chính mình trong việc giải quyết những thách thức này. Môn học sử dụng cách tiếp cận giải quyết vấn

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				để chứng minh cách các phân tích quốc tế và so sánh góp phần vào sự hiểu biết toàn diện về an ninh toàn cầu, thịnh vượng và các vấn đề cộng đồng. Nó bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau và điều tra tác động của những vấn đề này trên quy mô toàn cầu, cũng như các phương pháp tiếp cận của các hệ thống chính trị khác nhau để giải quyết chúng. Môn học nhấn mạnh bảy lĩnh vực chính: dân số, giàu nghèo, lương thực, năng lượng, biến đổi khí hậu, môi trường và công nghệ, là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thế giới ngày nay.
3.4	IRE1130	Nghị vụ ngoại giao	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Môn học gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngôi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.
3.5	IRE1152E	Khoa học dữ liệu trong quan hệ quốc tế	3	Học phần giới thiệu những khái niệm, công cụ và ứng dụng cơ bản của khoa học dữ liệu trong việc phân tích các vấn đề toàn cầu và chính sách quốc tế. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về quy trình xử lý dữ liệu, từ thu thập, làm sạch, phân tích đến trực quan hóa dữ liệu (data visualization), đồng thời giới thiệu các kỹ thuật phân tích định lượng như phân tích mạng (network analysis), khai phá dữ liệu (data mining), phân tích xu hướng (trend analysis) và học máy cơ bản (basic machine learning). Thông qua các tình huống thực tiễn như theo dõi dư luận mạng xã hội toàn cầu, dự báo bầu cử, phân tích dữ liệu viện trợ, di cư, hoặc biến đổi khí hậu, sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng khai thác và phân tích dữ liệu phục vụ việc xây dựng chính sách và nghiên cứu trong lĩnh vực quan hệ quốc tế.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.6	IRE1153E	Hòa bình và an ninh trong quan hệ quốc tế	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực tiễn về các vấn đề xung đột và an ninh trong quan hệ quốc tế: lý thuyết về nghiên cứu hòa bình và an ninh; các loại hình và nguyên nhân xung đột trong quan hệ quốc tế; các mối đe dọa an ninh quốc tế; an ninh hàng hải trong quan hệ quốc tế; luật pháp và tổ chức quốc tế trong hòa bình và an ninh; an ninh con người; giải quyết xung đột. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các vấn đề an ninh đương đại ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương như bạo lực chính trị, bạo lực văn hóa và xung đột sắc tộc.
3.7	ENC1121E	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của quốc gia và văn hóa tổ chức với mục tiêu tăng cường giao tiếp giữa các cá nhân, các tổ chức và quốc gia để hiểu được sự khác biệt về văn hóa và có thể quản lý hiệu quả những khác biệt đó. Học phần đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau liên quan đến sự phức tạp của văn hóa, định hướng văn hóa của các tổ chức và cá nhân, và phác họa bản đồ các nền văn hóa thế giới thông qua lý thuyết văn hóa của Hofstede và những học giả khác. Học phần sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp, quản lý sự khác biệt văn hóa trong môi trường đa văn hóa hỗ trợ cho đàm phán quốc tế, quản lý hiệu quả và tránh được những thất bại trong công việc liên quan đến những sai lầm về văn hóa có thể được giảm thiểu. Cuối cùng, sinh viên thông qua học phần sẽ có thể hiểu được động lực văn hóa đang diễn ra trên toàn cầu để thích ứng linh hoạt.
3.8	IRE1127E	Ngoại giao đa phương	3	Học phần giới thiệu cho người học mối quan hệ tương tác ngoại giao giữa hơn hai chủ thể QHQT - quốc gia, đặc biệt nhấn mạnh vào ngoại giao đa phương của Việt Nam từ thế kỷ XXI. Học phần xem xét tổng quan về tất cả các chủ thể chính và vai trò của chúng, cũng như khuôn khổ, các quy tắc và các phương pháp ngoại giao đa phương ở các tổ chức quốc tế liên chính phủ điển hình. Học phần đồng thời cung cấp những hiểu biết sâu sắc về quá trình dẫn đến việc các quốc gia xây dựng các tổ chức

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				quốc tế thông qua các văn kiện, cũng như những biến động hiện tại ảnh hưởng như thế nào đến hệ thống đa phương.
3.9	LAW1116E	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật quốc tế. Kiến thức của học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục theo học các học phần nâng cao và chuyên sâu về công pháp quốc tế.
3.10	LAW1124E	Tư pháp quốc tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về Tư pháp quốc tế nói chung và Tư pháp quốc tế Việt Nam nói riêng, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài; hiểu rõ về địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, việc vận dụng các quy phạm của pháp luật trong nước, điều ước quốc tế, các tập quán quốc tế giải quyết các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài.
3.11.1	IRE1143	Nhập môn khu vực học	3	Học phần thảo luận, giải thích, phân tích và đánh giá chủ nghĩa khu vực từ các quan điểm lý thuyết khác nhau. Nền tảng lịch sử và sự phát triển của các tổ chức khu vực sẽ được xem xét. Cơ cấu tổ chức và cấu hình thể chế sẽ được phân tích để xác định lý do tại sao các tổ chức khu vực khác nhau lại hoạt động theo những cách khác nhau. Người học sẽ hiểu được cơ sở, sự khác biệt, nền tảng lịch sử của các khu vực và tổ chức khu vực trong thế giới đương đại. Học phần giúp sinh viên có thể phân tích và đánh giá các tổ chức, cơ cấu khu vực khác nhau và mục đích của chúng đối với các quốc gia thành viên và quốc gia không phải thành viên, đồng thời có thể phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức khu vực, liên khu vực và tiểu khu vực.
3.12.1	IRE1144E	Chính sách đối ngoại các nước lớn đối với khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	3	Học phần phân tích chính trị của các cường quốc và trật tự quốc tế đang thay đổi ở khu vực Ấn độ dương - Thái Bình Dương. Sau khi xem xét các cách tiếp cận lý thuyết về cách các cường quốc tạo ra trật tự quốc tế, học phần tập trung vào sự trỗi dậy hoặc tái nổi lên hoặc mới xuất hiện của các cường quốc khác nhau đang

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				ảnh hưởng như thế nào đến hệ thống quốc tế khu vực này. Ngoài việc mang đến cho sinh viên cơ hội áp dụng các lý thuyết Quan hệ quốc tế có liên quan, khóa học còn phân tích các chiến lược lớn của các cường quốc và ý nghĩa của chúng đối với trật tự khu vực và toàn cầu.
3.13.1	IRE1154	Biển đông trong cạnh tranh chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan và phân tích chuyên sâu về vai trò chiến lược của Biển Đông trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị và địa chiến lược giữa các cường quốc tại khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Nội dung bao gồm: vị trí địa lý - kinh tế của Biển Đông; các yêu sách chủ quyền và luật pháp quốc tế liên quan; vai trò của các nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, ASEAN...); xung đột và hợp tác an ninh hàng hải; và tác động đến chính sách đối ngoại của Việt Nam. Học phần hướng đến việc hình thành tư duy phản biện, kỹ năng phân tích chính sách và nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo cho sinh viên Quan hệ quốc tế.
3.14.1	IRE1146E	Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	3	Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương là một thuật ngữ địa chính trị được đặt ra để biểu thị khu vực Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Mặc dù khu vực này bao gồm 40 quốc gia, nhưng trong khóa học này, chúng tôi sẽ chủ yếu tập trung vào Ấn Độ. Ấn Độ và 'Miền Nam toàn cầu' ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương hướng đến phương pháp giảng dạy người học theo hình thức thảo luận, tương tác và cân nhắc về các vấn đề quan trọng đối với các quốc gia ở Ấn Độ-Thái Bình Dương. Môn học sẽ xem xét mối quan hệ lịch sử được chia sẻ giữa Ấn Độ và các quốc gia trong khu vực, những điểm tương đồng về văn hóa, sự phụ thuộc về thương mại và kinh tế, những thách thức an ninh và triển vọng trong tương lai.
3.15.1	IRE1147E	ASEAN trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương	3	Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương là một cấu trúc khu vực quan trọng, nơi các cường quốc toàn cầu đang tìm kiếm lợi ích chiến lược. Ngoài ra, Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, trải dài trên Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, đã trở thành đấu trường chính của cả hợp tác và đối

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đầu toàn cầu. ASEAN được coi là một trong những nhóm có ảnh hưởng nhất trong khu vực. Môn học xem xét "Vai trò trung tâm của ASEAN" làm sáng tỏ rằng việc thúc đẩy một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương ổn định, toàn diện và độc lập là có lợi cho lợi ích của các quốc gia ASEAN và các cường quốc toàn cầu. Môn học đề cập đến vai trò trung tâm của ASEAN đối với lợi ích của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Ngoài ra, môn học này sẽ chỉ ra những thách thức trong vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực.
3.11.2	COT1102	Lý thuyết truyền thông	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý thuyết truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hiểu được bản chất của truyền thông, nắm và hiểu được những đặc trưng cơ bản của truyền thông, các lý thuyết truyền thông cơ bản, chu trình truyền thông, các phương tiện truyền thông.
3.12.2	JOU1206	Tin và phóng sự	3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về Tin/phóng sự và viết Tin/phóng sự nhằm giúp người học hiểu đặc điểm và yêu cầu của thể loại Tin/phóng sự, các loại Tin/phóng sự, các dạng cấu trúc Tin/phóng sự; biết phân biệt thể loại Tin/phóng sự với các thể loại báo chí khác, ý thức được tác động, ảnh hưởng của báo chí đối với xã hội, từ đó có trách nhiệm khi sử dụng hình thức viết Tin/phóng sự trong hoạt động truyền thông.
3.13.2	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	3	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về vai trò của mạng xã hội trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp hiện nay, bao gồm: quá trình truyền thông và tương tác trên mạng xã hội, vai trò của người dùng. Tầm quan trọng của việc sử dụng mạng xã hội nhằm xây dựng hình ảnh tổ chức và gắn kết với khách hàng trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.
3.14.2	IRE1148E	Ngoại giao số	3	Học phần mang tính liên ngành giữa truyền thông số và ngoại giao. Giảng viên giới thiệu khung phương pháp luận để tiếp cận các vấn đề như tác động của việc chuyển đổi số đối với ngoại giao, các chủ đề gây tranh cãi trong việc

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				sử dụng các phương tiện kỹ thuật số mà các nhà ngoại giao hoặc phê phán, hoặc sử dụng hiệu quả Ngoài ra, bạn sẽ tìm thấy các liên kết đến tài liệu, khóa học, nền tảng AI và ứng dụng có liên quan đến ngoại giao kỹ thuật số. Người học có thể vận dụng được việc thực hành chuyển đổi các hình thức ngoại giao truyền thống sang kỹ thuật số thông qua các bài tập “mỗi cá nhân là một tiếng nói đại diện cho cộng đồng của mình.”
3.15.2	IRE1149E	Ngoại giao công chúng	3	Ngoại giao công chúng là một chủ đề nóng hiện nay, tuy nhiên chỉ cách đây chục năm nó còn là một thuật ngữ rất chuyên ngành. Môn học sẽ phác thảo sự phát triển của ngoại giao công chúng so với ngoại giao truyền thống theo thời gian - đặc biệt là trước và sau Chiến tranh Lạnh. Nội dung thứ 2 bao gồm các mục tiêu và phương pháp ngoại giao công chúng, nêu rõ những gì ngoại giao công chúng có thể và không thể làm, thông qua các nghiên cứu điển hình.
3.11.3	IRE1151	Phát triển bền vững	3	Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.
3.12.3	IRE1135E	Các vấn đề môi trường trong quan hệ quốc tế	3	Sinh viên sẽ được tiếp cận học phần từ các vấn đề gây nhiều tranh cãi trong nghiên cứu về môi trường trong Quan hệ Quốc tế. Sinh viên sẽ được tìm hiểu sâu hơn về những vấn đề môi trường, nguyên nhân dẫn đến tính toàn cầu và sự nghiêm trọng của vấn đề. Từ đó, sinh viên sẽ phân tích những nguyên nhân tại sao các vấn đề này gây ra nhiều tranh cãi và các khó khăn trong việc tìm biện pháp giải quyết các vấn đề này ở cấp độ khu vực và quốc gia
3.13.3	IRE1150	Quản trị môi trường toàn cầu	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một góc nhìn tổng quan về hệ thống quản trị môi trường toàn cầu. Học phần sẽ đi qua sự phát triển của hệ thống quản trị môi trường toàn cầu theo quá trình lịch sử. Sinh viên được phân tích các chủ thể thuộc hệ thống và thảo luận về ảnh hưởng của các chủ thể này đến cách thức hoạt động, hướng đi và mức độ hiệu quả của hệ thống quản trị toàn cầu cũng như các chính sách môi trường toàn cầu. Môn học cũng sẽ được trình bày dưới dạng case-study về quản trị môi trường toàn cầu với các vấn đề môi trường hiện đại để hiểu rõ hơn về những thành phần cấu tạo của hệ thống quản trị môi trường toàn cầu
3.14.3	IRE1137E	Hợp tác quốc tế và chính sách bền vững	3	Học phần giới thiệu đến sinh viên một số chiến lược hợp tác giữa các chủ thể (cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, quốc gia,...) liên quan đến các vấn đề toàn cầu. Học phần tập trung vào việc phân tích các vấn đề liên quan tới phát triển mang tính toàn cầu như nghèo đói, bất bình đẳng, phát triển nông thôn- đô thị, giáo dục, hệ thống sức khỏe, thương mại công bằng (fair-trade) từ đó thảo luận các chiến lược phát triển đang được áp dụng toàn cầu. Thông qua đó, sinh viên hiểu được vai trò của hợp tác toàn cầu trong việc định hình tương lai của thế giới.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.15.3	ECO1110E	Kinh tế phát triển	3	Học phần nhằm tìm hiểu bản chất, nội dung của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế; mối quan hệ giữa tăng trưởng với phân phối thu nhập và giảm nghèo; phân tích những tác động của các yếu tố đầu vào như lao động, vốn và tài nguyên thiên nhiên đến tăng trưởng kinh tế cả ở mặt lý thuyết lẫn thực tiễn. Học phần sẽ giới thiệu cho học viên các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế để có thảo luận về những thay đổi về mặt kinh tế xã hội ở các nước. Các hệ quả của các mô hình phát triển sẽ được phân tích, so sánh; từ đó, có thể rút ra các mặt tích cực cũng như các đe dọa phát sinh từ quá trình phát triển cho các nước đang phát triển, đặc biệt là Việt Nam.
4. Kiến thức bổ trợ				
4.1	SKI1107	Project design 1	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
4.2	SKI1108	Project design 2	3	Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị thông qua quá trình cải tiến

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals: SDGs).
4.3	DMK1101	Công dân số	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi gia nhập vào thế giới số với sự kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Người học sẽ được tìm hiểu về các nội dung: cách trở thành thành viên của thế giới số và tận dụng cơ hội để phát triển bản thân; cách hành xử đúng mực, văn minh trên cộng đồng mạng, và cách bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu		Học phần trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần có các nội dung chính: Toàn cầu hóa; Xã hội; Chính trị; Môi trường; Kỷ nguyên số; Xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	3	Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lý, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyền rũ của Nhật Bản.
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	3	Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.
4.8	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định kiến và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.9	BUS1115	Khởi nghiệp	3	Học phần được thiết kế dành cho hệ cơ bản về những nguyên tắc và kiến thức cốt lõi khi khởi nghiệp. Học xong học phần này, sinh viên có thể tự thiết kế, xây dựng và điều hành một công ty hoặc dự án nhỏ. Ngoài ra, học phần giúp người học hiện thực hóa được những ý tưởng kinh doanh để từ đó tạo dựng được một quy trình kinh doanh nhỏ bắt đầu từ ý tưởng sáng tạo.
4.10	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii) Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).
4.11	LAW1111	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.
4.12	LAW1116	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Môi quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia;

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự.
4.13	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	3	Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này.
4.14	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-kích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
4.15	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	3	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				nhân....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.
4.16	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.
4.17	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	3	Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.
4.18	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau: • Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh. • Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.19	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	3	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột... làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ hưu... Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản.
4.20	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.
4.21	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.
4.22	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục; nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo.
4.23	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	3	Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.
4.24	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học này hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.
4.25	SOS1108	Văn hoá các nước Đông Nam Á	3	Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN.
4.26	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước.
4.27	IRE1138	Văn minh nhân loại	3	Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.
5. Thực tập thực tế				
5.1	IRE1322	Thực tập tốt nghiệp	3	Học phần giúp sinh viên tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập; Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.
5.2	IRE1419	Chuyên đề tốt nghiệp	6	Học phần giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một chuyên đề tốt nghiệp.
5.3	IRE1420	Khóa luận tốt nghiệp	6	Sinh viên cần đạt được các điều kiện đầu vào để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp theo niên khóa tương ứng. Dưới sự hướng dẫn của GVHD, sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình trước Hội đồng khoa học.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
6. Kiến thức không tích lũy				
		6.1. Giáo dục thể chất		Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, DanceSport.
		6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo các học phần tiếng Anh: Các học phần ngoại ngữ Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở các học kỳ đầu (HK1, HK2, HK3). Từ HK4 trở đi, bố trí các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh) nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở

đó giúp người học phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của người học, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- Ngành Quan hệ Quốc tế hướng đến đào tạo sinh viên năng động, cởi mở, linh hoạt và có khả năng thích ứng cao trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ. Vì vậy, Khoa thường xuyên kết hợp với các đơn vị như Thành Đoàn TP.HCM hoặc Sở Ngoại vụ để sinh viên có điều kiện thực hành song song với lý thuyết. Đồng thời, cũng thông tin thường xuyên đến sinh viên các chương trình giao lưu học tập quốc tế và hỗ trợ cho sinh viên tham dự các chương trình này. Riêng đối với Học phần Thực tập tốt nghiệp, Ngành Quan hệ Quốc tế cung cấp cho sinh viên 02 sự lựa chọn, bao gồm: (1) thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp hoặc (2) thực tập tốt nghiệp tại nước ngoài. Học phần thực tập tốt nghiệp tại nước ngoài giúp sinh viên tổng kết, hệ thống hóa những kiến thức của ngành học QHQT, chú trọng đến những thay đổi của khu vực Đông Nam Á trước những thách thức mới của trật tự thế giới, nhận diện được vai trò của ASEAN với các quốc gia thành viên. Sinh viên sẽ được hoàn thiện kỹ năng giao tiếp quốc tế trong môi trường đa văn hóa. Nâng cao nhận thức “tôn trọng sự khác biệt” và “ý thức công dân toàn cầu” bằng những tình huống thực tế.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang